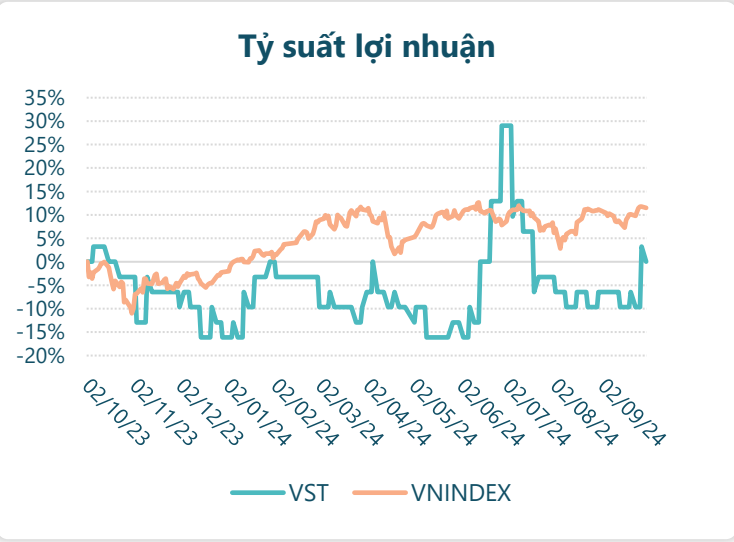


Ngày	3,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.9%	-22.5%	6.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 4,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	208
Số lượng CPLH (CP)	66,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,245
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.04
EPS	3,596
P/E	0.9



Doanh thu thuần
Q3/24

133

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0 | 9.0%

YoY: ▲ 27.0 | 25.5%

Nợ/VCSH
Q3/24

-157%

YoY: +/- ▼ 1.6%

LN gộp
Q3/24

23.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.60 | 32.5%

YoY: ▲ 23.6 | 3701%

ROE (TTM)
Q3/24

-28.6%

YoY: +/- ▼ 2.0%

LN trước thuế
Q3/24

3.99

tỷ VNĐ

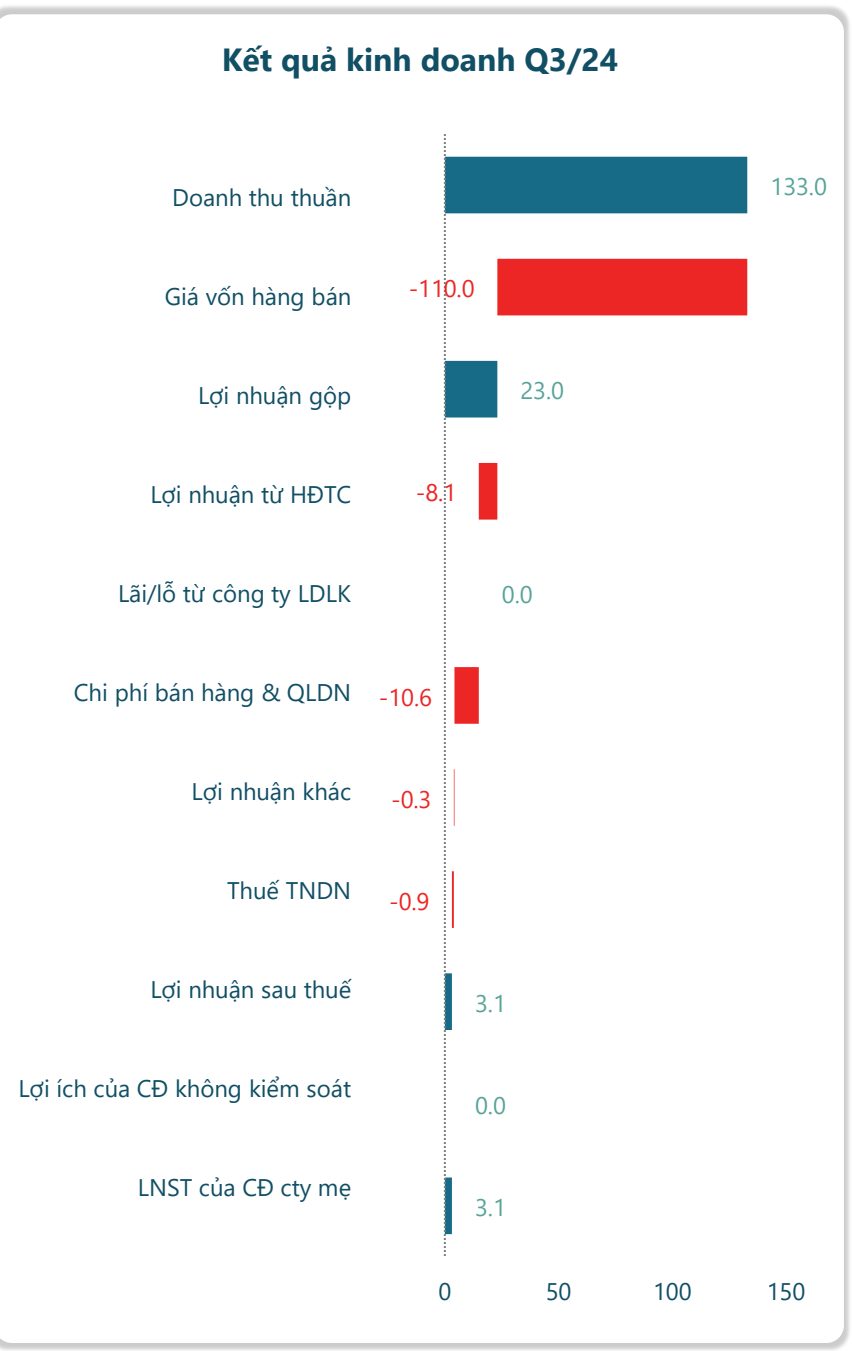
QoQ: ▼89.0 | -95.7%

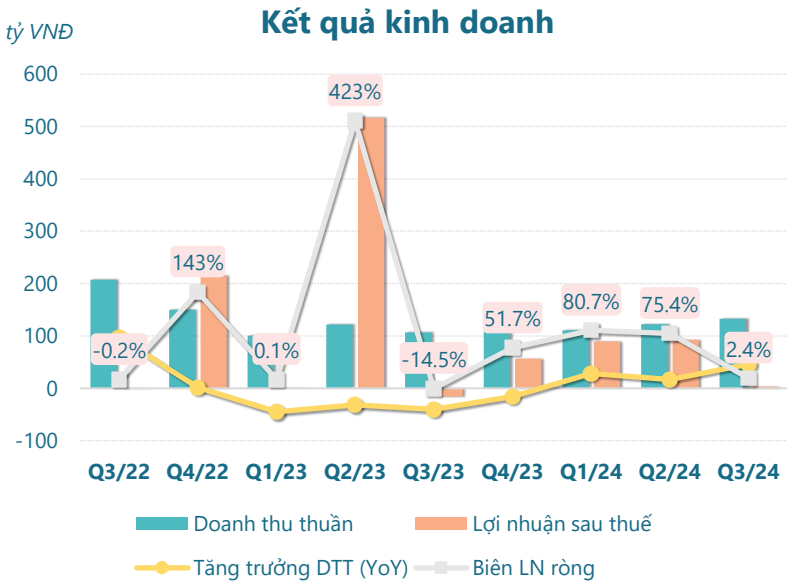
YoY: ▲ 18.6 | 127%

ROA (TTM)
Q3/24

57.6%

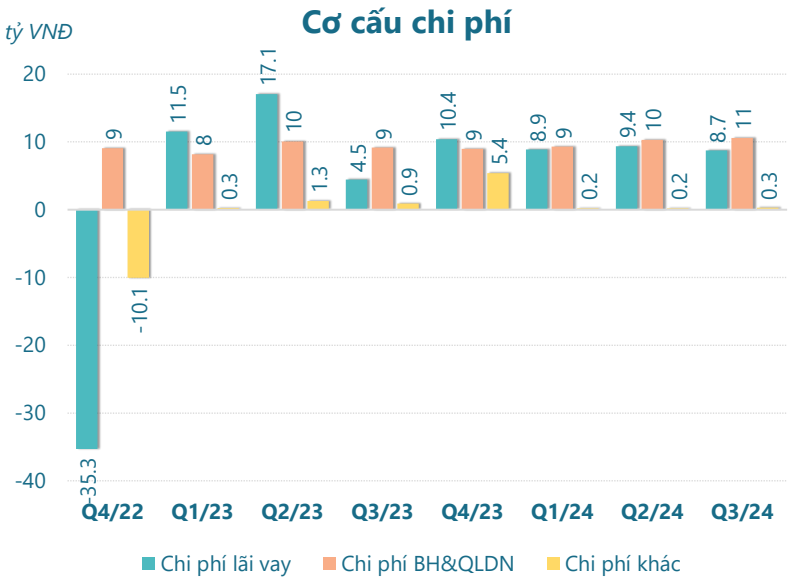
YoY: +/- ▲ 5.9%





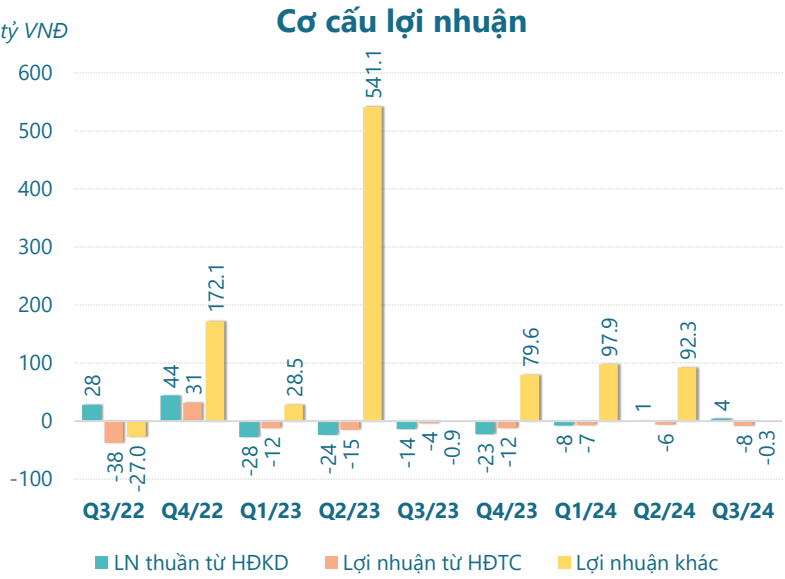
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 4.30 tỷ đồng**, tăng thêm 506% so với kỳ trước và tăng thêm 18.04 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 8.14 tỷ đồng** giảm đi 1.72 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 4.23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.31 tỷ đồng** giảm đi 100% so với kỳ trước và tăng thêm 0.59 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VST** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **133.0 tỷ đồng** tăng thêm **25.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.14 tỷ đồng, tăng thêm 18.60 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **366.0 tỷ đồng** cao hơn 11.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 185.0 tỷ đồng** thấp hơn 63.1% so với cùng kỳ năm trước.



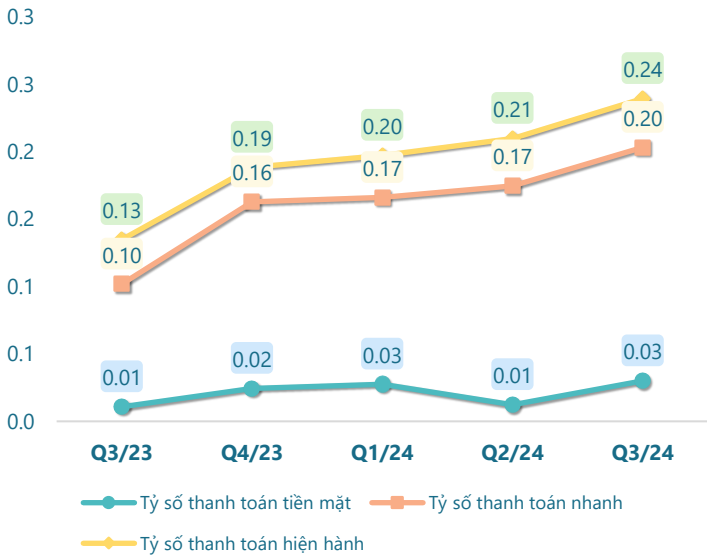
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **8.73 tỷ đồng** giảm đi 6.93% so với kỳ trước và cao hơn 96.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **10.61 tỷ đồng** tăng thêm 3.01% so với kỳ trước và cao hơn 15.5% so với cùng kỳ năm trước.

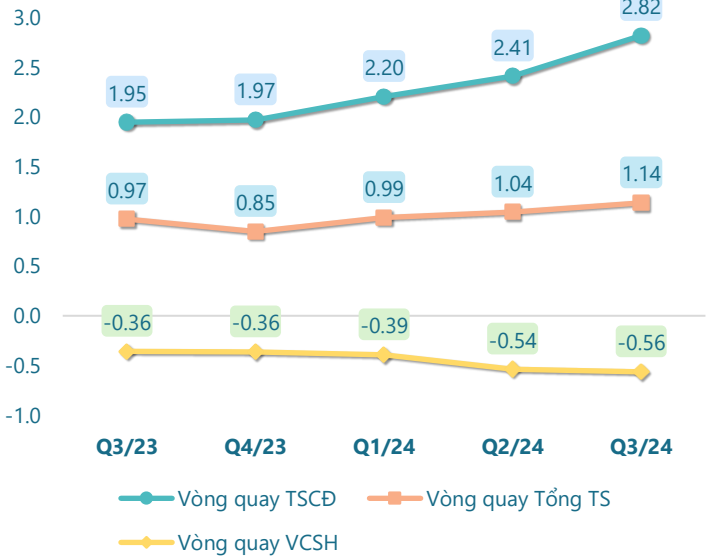
Chi phí khác bằng **0.31 tỷ đồng** tăng thêm 63.2% so với kỳ trước và thấp hơn 65.9% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	133	122	9.0%	106	25.5%	366	329	11.3%
Giá vốn hàng bán	110	105	4.7%	107	2.8%	317	335	-5.5%
Lợi nhuận gộp	23.0	17.4	32.5%	-0.64	3701%	49.1	-6.48	857%
Doanh thu HĐTC	1.79	4.01	-55.5%	1.24	44.0%	7.93	5.14	54.5%
Chi phí TC	9.93	10.4	-4.5%	5.15	92.8%	29.7	36.2	-18.0%
Chi phí lãi vay	8.73	9.38	-7.0%	4.45	96.1%	27.0	33.1	-18.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.73	1.59	9.1%	1.34	29.4%	4.64	4.29	8.1%
Chi phí QLDN	8.87	8.71	1.9%	7.85	13.1%	25.6	23.2	10.4%
LN thuần từ HĐKD	4.30	0.71	505%	-13.7	131%	-2.90	-65.0	95.5%
Lợi nhuận khác	-0.31	92.3	-100%	-0.90	66.1%	190	569	-66.6%
LN trước thuế	3.99	93.0	-95.7%	-14.6	127%	187	504	-62.9%
Lợi nhuận sau thuế	3.14	92.3	-96.6%	-15.5	120%	185	502	-63.2%
LNST của CĐ cty mẹ	3.14	92.3	-96.6%	-15.5	120%	185	502	-63.2%

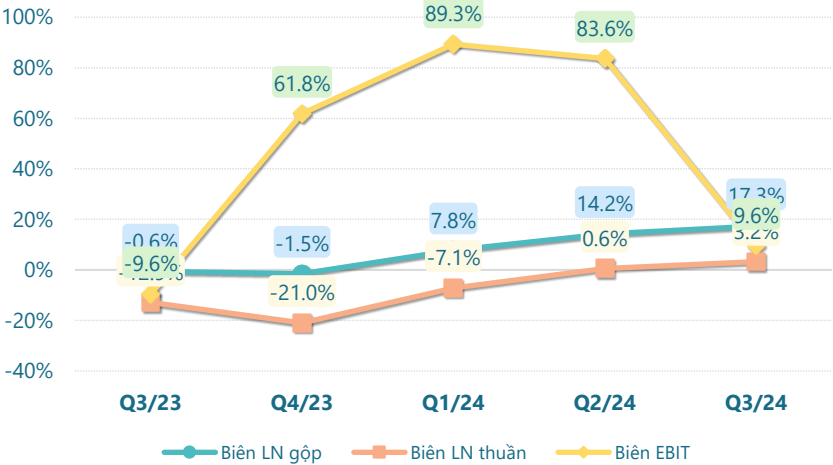
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

